

| | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------|--------------|
| Ngày 28/06/2024 | 12,500 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 15.7% | 9.6% | 21.4% |

| | | |
|------------|--------------|--------------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 13.1% | +/- YoY ▲ 5.5% |

| | | | |
|-----------------|------------|--|---------------------------------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 353 | QoQ ▲ 43.0 ▲ 13.8% | YoY ▲ 100 ▲ 39.4% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|------------|---------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 662 | YoY ▲ 195 ▲ 41.8% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|-------------|--|--|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 46.6 | QoQ ▲ 13.8 ▲ 42.0% | YoY ▲ 16.4 ▲ 54.3% |
| | tỷ VNĐ | | |

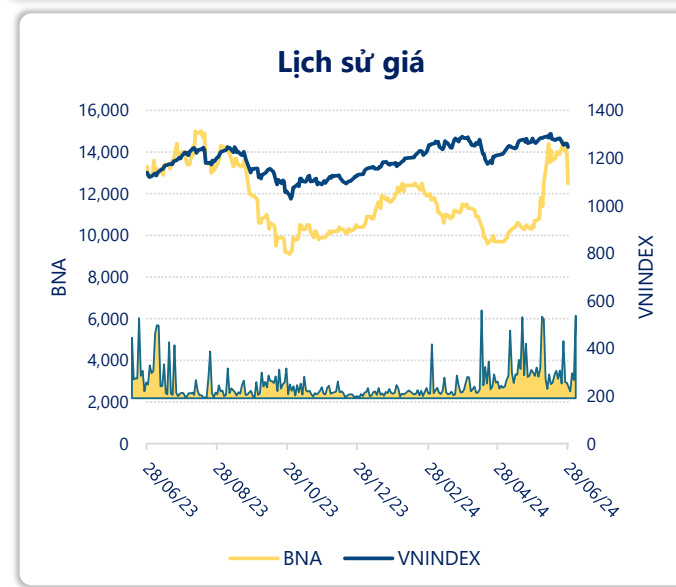
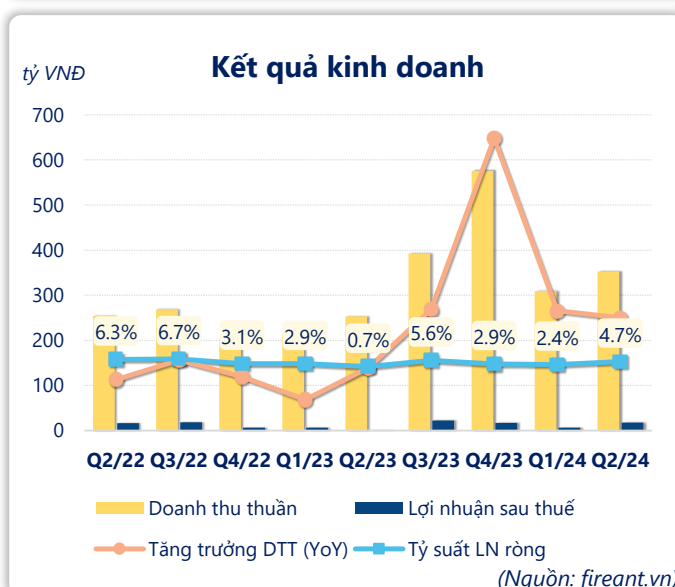
| | | |
|---------------|-------------|--|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 79.4 | YoY ▲ 20.8 ▲ 35.5% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|-------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 23.8 | QoQ ▲ 15.2 ▲ 177% | YoY ▲ 18.1 ▲ 316% |
| | tỷ VNĐ | | |

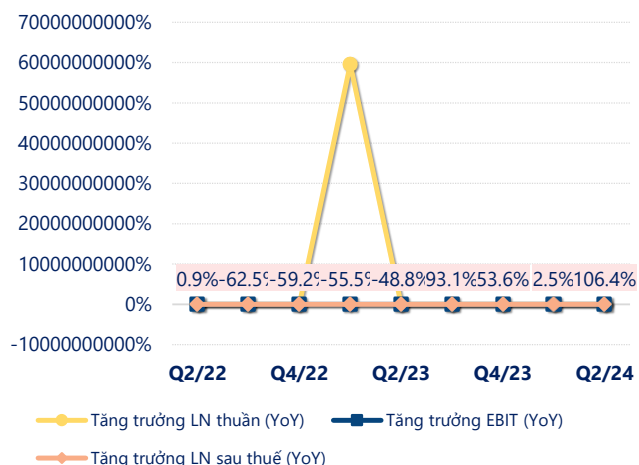
| | | |
|-----------------|-------------|---------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 32.4 | YoY ▲ 18.0 ▲ 125% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|-------------|---------------------------------------|--|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 18.0 | QoQ ▲ 11.3 ▲ 167% | YoY ▲ 17.0 ▲ 1778% |
| | tỷ VNĐ | | |

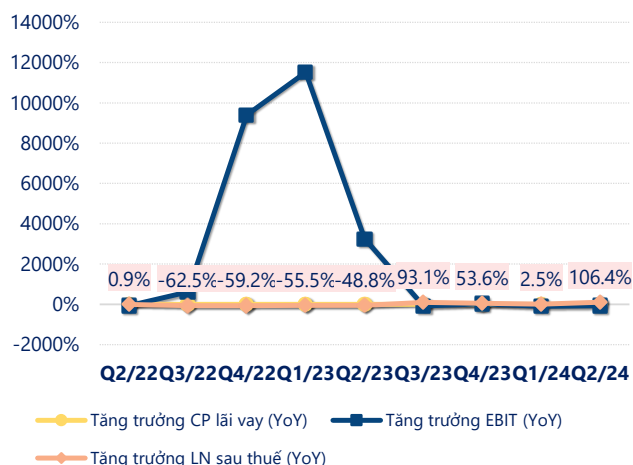
| | | |
|--------------------|-------------|---------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 24.8 | YoY ▲ 17.6 ▲ 246% |
| | tỷ VNĐ | |



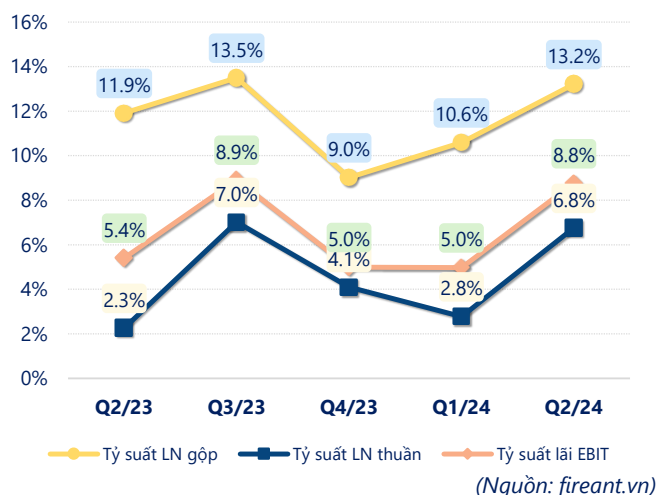
Tăng trưởng lợi nhuận



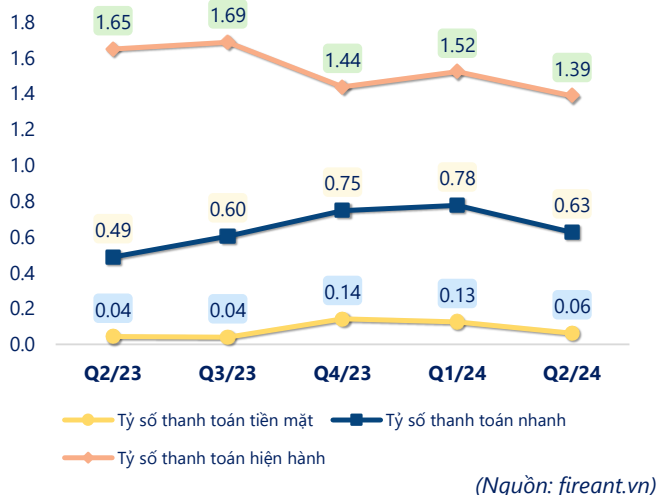
Tăng trưởng chi phí



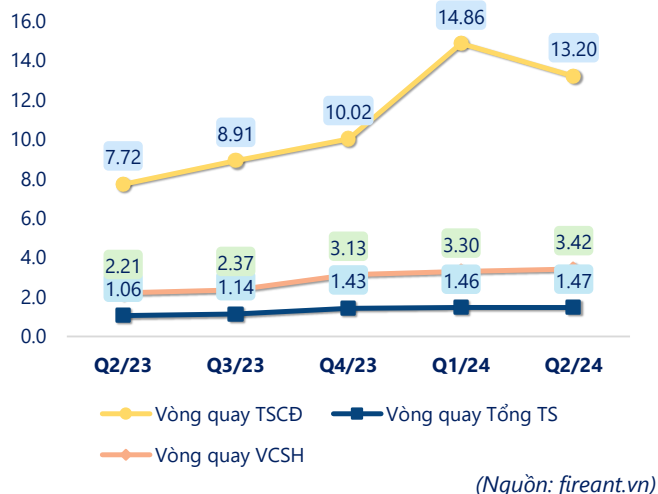
Tỷ suất lợi nhuận



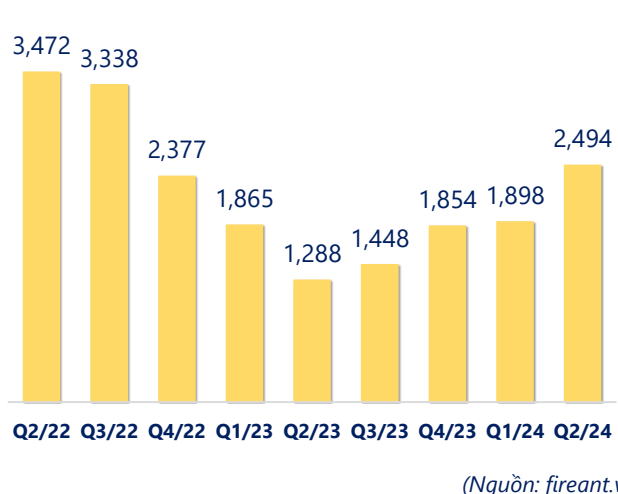
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 353 | 253 | 39.4% | 662 | 467 | 41.8% |
| Giá vốn hàng bán | 306 | 223 | 37.3% | 583 | 409 | 42.7% |
| Lợi nhuận gộp | 46.6 | 30.2 | 54.3% | 79.4 | 58.6 | 35.5% |
| Doanh thu HĐTC | 3.57 | 1.55 | 130% | 5.78 | 1.80 | 222% |
| Chi phí TC | 8.76 | 10.9 | -19.7% | 15.6 | 19.0 | -17.7% |
| Chi phí lãi vay | 8.02 | 10.8 | -25.7% | 14.8 | 18.4 | -19.5% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 11.2 | 9.19 | 21.7% | 24.5 | 15.6 | 56.6% |
| Chi phí QLDN | 6.41 | 5.92 | 8.3% | 12.6 | 11.3 | 11.2% |
| LN thuần từ HĐKD | 23.8 | 5.73 | 316% | 32.4 | 14.4 | 125% |
| Lợi nhuận khác | -0.95 | -2.78 | 65.7% | -0.97 | -3.39 | 71.3% |
| LN trước thuế | 22.9 | 2.96 | 672% | 31.4 | 11.0 | 185% |
| Lợi nhuận sau thuế | 18.0 | 0.96 | 1778% | 24.8 | 7.17 | 246% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 16.6 | 1.68 | 888% | 23.9 | 7.89 | 203% |

(Nguồn: fireant.vn)

